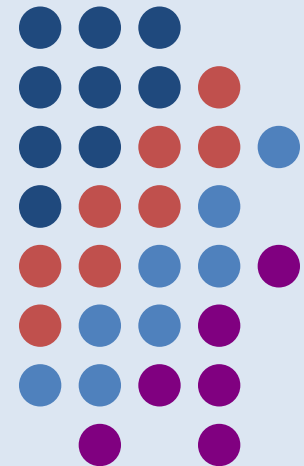


# Bài 1 & 2: Công cụ và thị trường tài chính



Phân tích Tài chính  
MPP8 – Học kỳ Xuân 2016

Nguyễn Xuân Thành



# Giới thiệu môn học

---

- Môn học trang bị cho học viên những khái niệm và mô hình tài chính mang tính cốt lõi nhất dành cho những học viên lần đầu tiên tiếp cận với một môn học về tài chính.
- Môn học giúp học viên nắm được những lý thuyết và công cụ phân tích phổ biến nhất của tài chính doanh nghiệp.
- Môn học hướng dẫn học viên ứng dụng các công cụ phân tích trong thực tiễn thông qua các nghiên cứu tình huống trên hệ thống tài chính Việt Nam.
- Môn học cung cấp các kiến thức tài chính ở cả cấp độ căn bản (bậc đại học) lẫn nâng cao (bậc cao học).

# Tuần 1: Nhập môn

---

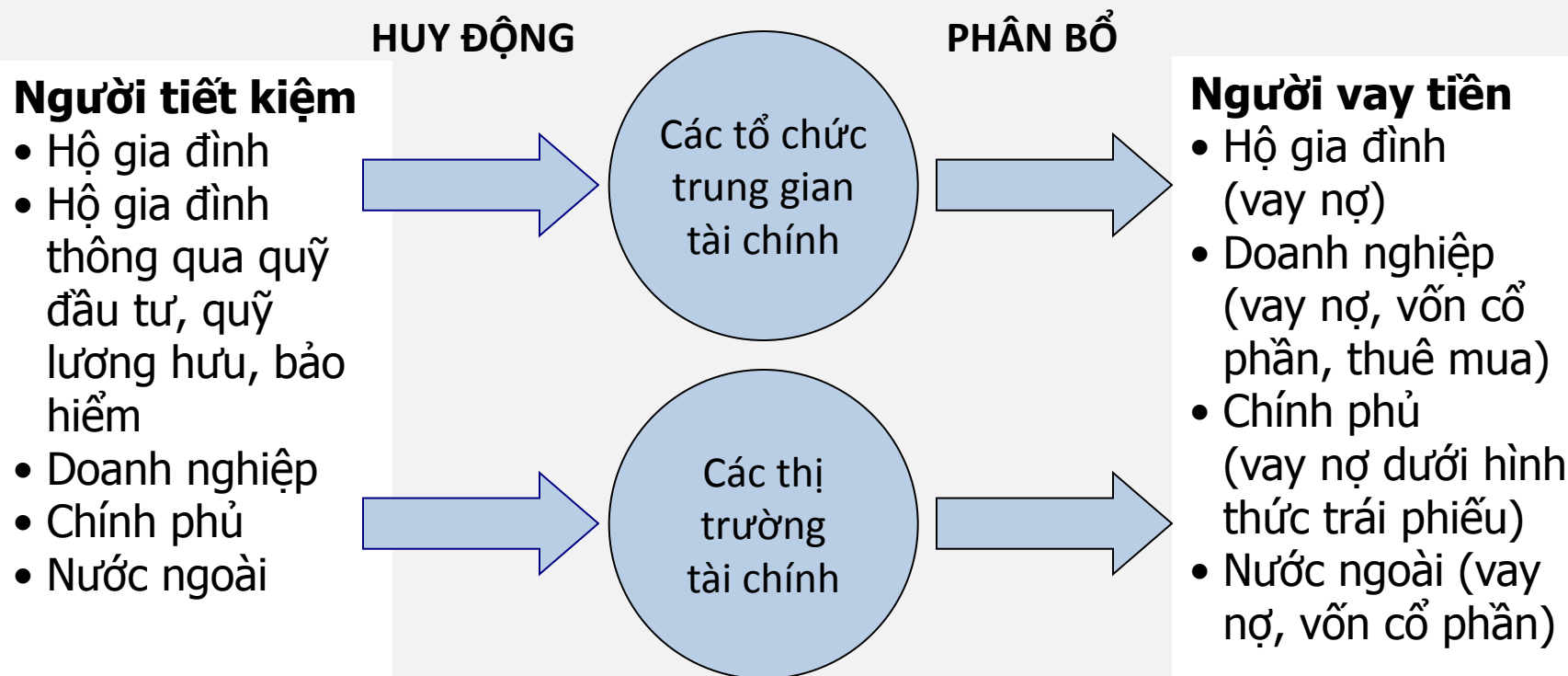
- Bài giảng trong Tuần 1 mô tả hệ thống tài chính, trong đó giới thiệu công cụ tài chính, thị trường tài chính, tổ chức tài chính và cơ sở hạ tầng tài chính theo các khái niệm chuẩn quốc tế và liên hệ với thực tiễn ở Việt Nam.
- Mục tiêu của các bài giảng trong Tuần 1 là giúp học viên nắm được cấu trúc tổng thể và những hoạt động chính yếu của một hệ thống tài chính, và do vậy kiến thức trong tuần đầu tiên mang tính «vĩ mô» nhất trong số tất cả các bài giảng và nghiên cứu tình huống của môn học.

# Giới thiệu về hệ thống tài chính

---

- Chức năng
  - Vận hành hệ thống thanh toán
  - Huy động tiết kiệm và phân bổ vốn
  - Chuyển đổi và phân phối rủi ro
  - Giám sát doanh nghiệp
- Các thành phần của một hệ thống tài chính
  - Công cụ tài chính
  - Thị trường tài chính
  - Tổ chức tài chính
  - Cơ sở hạ tầng tài chính

# Huy động tiết kiệm và phân bổ vốn



# Chuyển đổi và phân phối rủi ro

- Rủi ro gắn liền với các giao dịch tài chính.
- Một hệ thống tài chính hoạt động tốt cung cấp các phương tiện để đa dạng hóa hay tập trung rủi ro giữa một số lượng lớn những người tiết kiệm và đầu tư.
- Rủi ro được chuyển và phân phối giữa những người tiết kiệm, đầu tư dưới nhiều hình thức và bằng nhiều công cụ tài chính.

Doanh nghiệp

Sáng lập viên/Chủ sở hữu duy nhất

Sở hữu 100% và chịu rủi ro 100%

Doanh nghiệp

Sáng lập viên  
(20%)

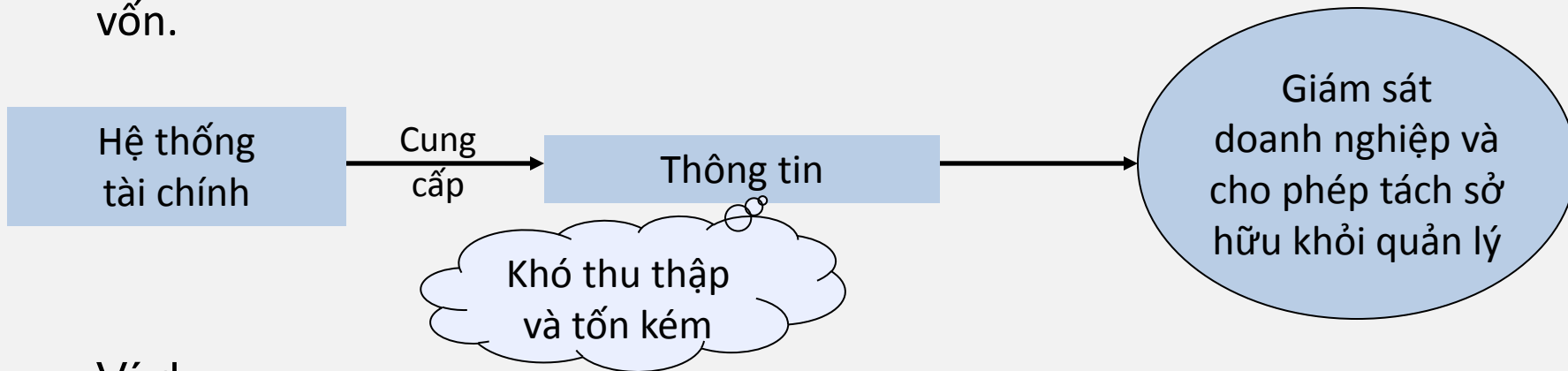
Cổ đông khác  
(30%)

Chủ nợ  
(50%)

Rủi ro được chuyển và phân phối giữa các nhà đầu tư khác nhau

# Giám sát hoạt động quản lý doanh nghiệp

- ◆ Hệ thống tài chính phân bổ vốn và đồng thời còn giám sát việc sử dụng vốn.



- Ví dụ:
  - Ngân hàng đánh giá khả năng tín dụng và hiệu quả dự án đầu tư của doanh nghiệp khi xem xét cho vay và đe dọa ngưng cấp vốn nếu hoạt động đầu tư sau đó không có hiệu quả.
  - Người nắm giữ trái phiếu buộc doanh nghiệp không được phát hành thêm nợ để kiểm soát mức rủi ro tín dụng của trái phiếu.
  - Hoạt động mua công ty một cách thù địch trên thị trường chứng khoán buộc giám đốc công ty phải điều hành tốt nếu không muốn công ty bị mua.

# Các thành phần của một hệ thống tài chính

---

- Tài sản tài chính (Financial Asset)
  - Trao cho người nắm giữ quyền được hưởng dòng tiền trong tương lai
- Thị trường tài chính (Financial Market)
  - Những cơ chế dàn xếp cho phép các tài sản tài chính được mua bán, trao đổi.
- Tổ chức tài chính (Financial Institution)
  - Tổ chức huy động tiền dưới hình thức nhận tiền gửi trực tiếp, đi vay hay phát hành tài sản tài chính, rồi sử dụng tiền huy động này để cho vay hay đầu tư vào tài sản tài chính.
- Cơ sở hạ tầng tài chính (Financial Infrastructure)
  - Bao gồm các thể chế, luật và quy định để quản lý, tổ chức và vận hành hệ thống tài chính

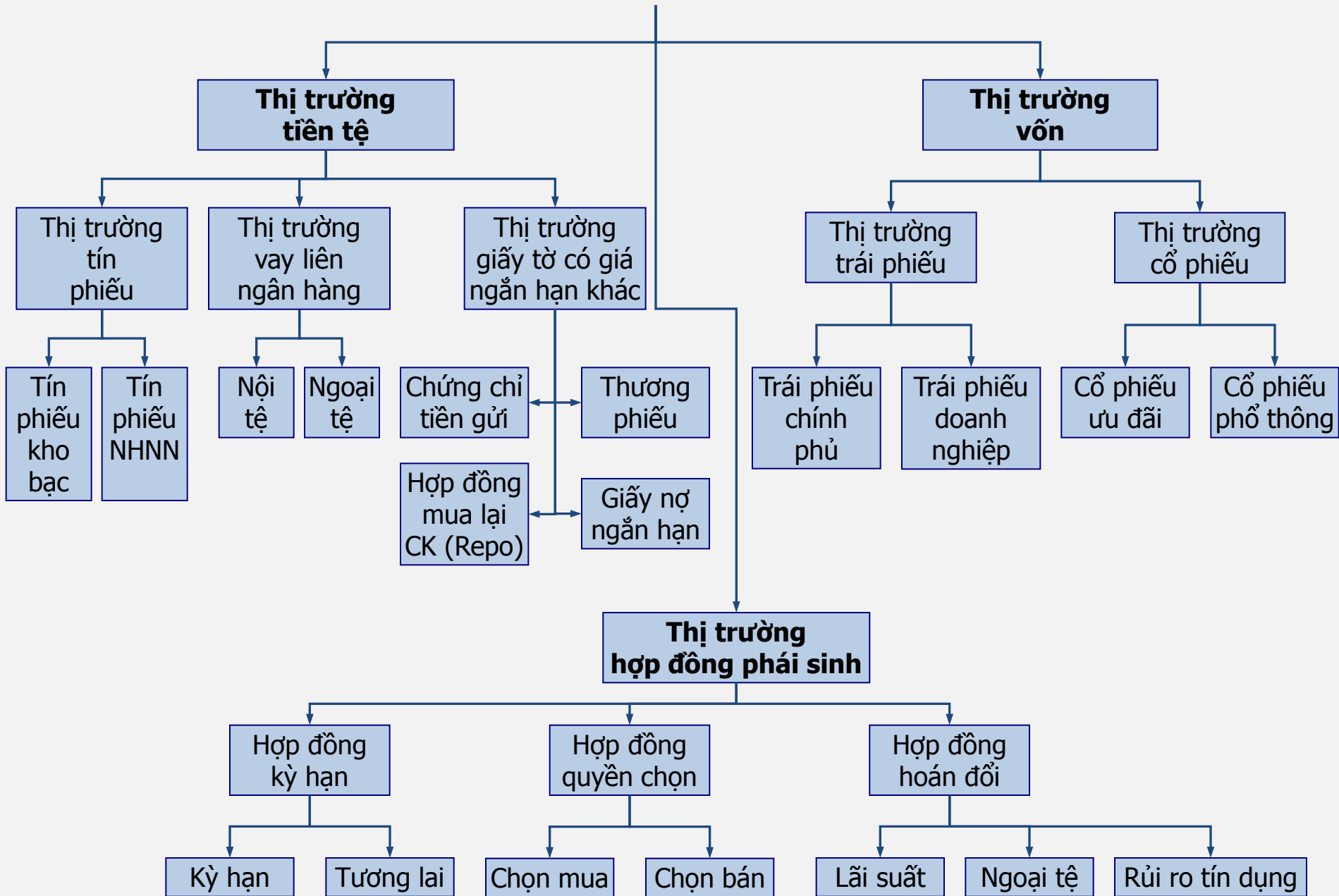


# Tài sản/công cụ tài chính

---

- Trong khi năng lực sản xuất của một nền kinh tế phụ thuộc vào các tài sản thực (real asset) như đất đai, nhà xưởng, máy móc thiết bị và tri thức, thì năng lực lưu chuyển vốn của hệ thống tài chính phụ thuộc vào các tài sản tài chính (financial assets).
- Tài sản tài chính như tiền gửi ngân hàng, trái phiếu, cổ phiếu thực chất là một hợp đồng trao cho người sở hữu quyền được hưởng một dòng tiền trong tương lai do một hay nhiều tài sản thực tạo ra.
- Khi tài sản tài chính được thiết kế để có thể mua đi bán lại thì nó được gọi là công cụ tài chính (financial instrument). Ví dụ, tài khoản tiền gửi ngân hàng trao cho chủ tài khoản quyền được hưởng tiền lãi và tiền gốc trong tương lai nên được coi là tài sản tài chính, nhưng không thể mua bán lại nên không được xem là công cụ tài chính. Cổ phiếu là công cụ tài chính vì nó trao cho cổ đông quyền được hưởng cổ tức trong tương lai và cổ đông có thể bán đi hay mua thêm cổ phiếu này tại thời điểm thích hợp.

# Thị trường và công cụ tài chính



# Phân loại thị trường tài chính theo kỳ hạn

---

- Thị trường tiền tệ (money market)
  - Thị trường vốn ngắn hạn, nơi mua, bán các công cụ tài chính có kỳ hạn dưới một năm
  - Các công cụ tài chính ngắn hạn thường được gọi là giấy tờ có giá ngắn hạn
  - Các công cụ tài chính ngắn hạn ở Việt Nam bao gồm tín phiếu kho bạc, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước, chứng chỉ tiền gửi, thương phiếu, hợp đồng mua lại chứng khoán (Repo), giấy nợ ngắn hạn của doanh nghiệp
- Thị trường vốn (capital market):
  - Thị trường vốn trung và dài hạn, nơi mua bán các công cụ tài chính có kỳ hạn trên 1 năm
  - Các công cụ tài chính trung và dài hạn thường được gọi là chứng khoán (trung và dài hạn)
  - Chứng khoán trung và dài hạn bao gồm trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, cổ phiếu ưu đãi và cổ phiếu thường

# Những phân loại khác của thị trường tài chính

---

- Thị trường sơ cấp và thứ cấp (primary & secondary)
  - Thị trường sơ cấp: nơi các công cụ tài chính được phát hành lần đầu tiên.
  - Thị trường thứ cấp: nơi các công cụ tài chính đã phát hành được mua bán.
- Thị trường tập trung và phi tập trung (listed & OTC)
  - Thị trường qua sàn giao dịch chính thức (còn gọi là thị trường tập trung) là thị trường giao dịch các chứng khoán có niêm yết.
  - Thị trường không qua sàn giao dịch chính thức (còn gọi là thị trường phi tập trung) là thị trường giao dịch các chứng khoán không niêm yết.
- Thị trường tài chính chính thức và phi chính thức
  - Thị trường chính thức: được tổ chức và quản lý một cách hệ thống.
  - Thị trường không chính thức: bao gồm những người cho vay lấy lãi, tổ chức tiết kiệm và cho vay phi chính thức

# So sánh nợ và vốn cổ phần

---

## Công cụ nợ (debt)

- Có kỳ hạn
- Trả lãi theo một công thức xác định từ trước
- Được quyền ưu tiên trả lãi trước khi trả cổ tức
- Bắt buộc phải trả lãi; việc không trả được lãi sẽ đưa tờ chức phát hành vào tình trạng phá sản
- Trong trường hợp phá sản, chủ nợ được nhận lại và nợ gốc từ tiền thanh lý tài sản trước chủ sở hữu

## Công cụ vốn chủ sở hữu (equity)

- Kỳ hạn vô tận
- Trả cổ tức tùy theo quyết định của đại hội cổ đông/hội đồng quản trị/ban giám đốc
- Cổ tức chỉ có thể được trả sau khi đã trả lãi đầy đủ cho các công cụ nợ
- Có thể trả hoặc không trả cổ tức
- Chủ sở hữu vốn cổ phần chỉ được hưởng phần giá trị thanh lý tài sản sau khi chủ nợ đã được hoàn trả đầy đủ

# Tín phiếu kho bạc (treasury bill)

---

- Tín phiếu kho bạc là loại giấy nợ do chính phủ phát hành có kỳ hạn dưới một năm để bù đắp thiếu hụt tạm thời của ngân sách nhà nước và là một công cụ trong những công cụ quan trọng để ngân hàng trung ương điều hành chính sách tiền tệ.
- Tín phiếu kho bạc thường có kỳ hạn 1 tháng, 3 tháng, 6 tháng hay 9 tháng với một hay nhiều mức mệnh giá.
- Tín phiếu kho bạc thường được coi là không có rủi ro tín dụng (rủi ro phá sản).
- Tín phiếu kho bạc là loại tín phiếu chiết khấu. Điều đó có nghĩa là, tín phiếu được bán thấp hơn mệnh giá và thanh toán theo mệnh giá khi đáo hạn, chứ không trả lãi trong kỳ.

# Tín phiếu Ngân hàng Nhà nước (SBV bill)

---

- Tín phiếu Ngân hàng Nhà nước là giấy tờ có giá ngắn hạn (dưới 1 năm), do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành để tạo ra công cụ trên thị trường tiền tệ nhằm thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia.
- Đối tượng mua tín phiếu Ngân hàng Nhà nước là các tổ chức tín dụng.
- Tín phiếu Ngân hàng Nhà nước được tự do mua bán, chuyển nhượng, cầm cố giữa các tổ chức tín dụng, được cầm cố để vay vốn hoặc chiết khấu tại Ngân hàng Nhà nước, được sử dụng làm công cụ cho nghiệp vụ thị trường mở.
- Như tín phiếu kho bạc, tín phiếu NHNN là tín phiếu chiết khấu. Công thức định giá tín phiếu NHNN hoàn toàn giống như trường hợp của tín phiếu kho bạc

# Chứng chỉ tiền gửi (certificate of deposit)

---

- Chứng chỉ tiền gửi là một khoản tiền gửi có kỳ hạn tại một ngân hàng. Người nắm giữ chứng chỉ tiền gửi được ngân hàng chỉ trả lãi và vốn gốc vào cuối kỳ của chứng chỉ tiền gửi.
- Người nắm giữ chứng chỉ tiền gửi có thể không được rút tiền trước hạn hoặc được rút tiền trước hạn nhưng phải chịu phạt lãi suất.
- Chứng chỉ tiền gửi có thể được mua bán lại trên thị trường tiền tệ thứ cấp. Tức là nếu người nắm giữ chứng chỉ cần tiền mặt trước khi đáo hạn thì có thể bán lại cho một nhà đầu tư khác.



# Hợp đồng mua lại chứng khoán (repo)

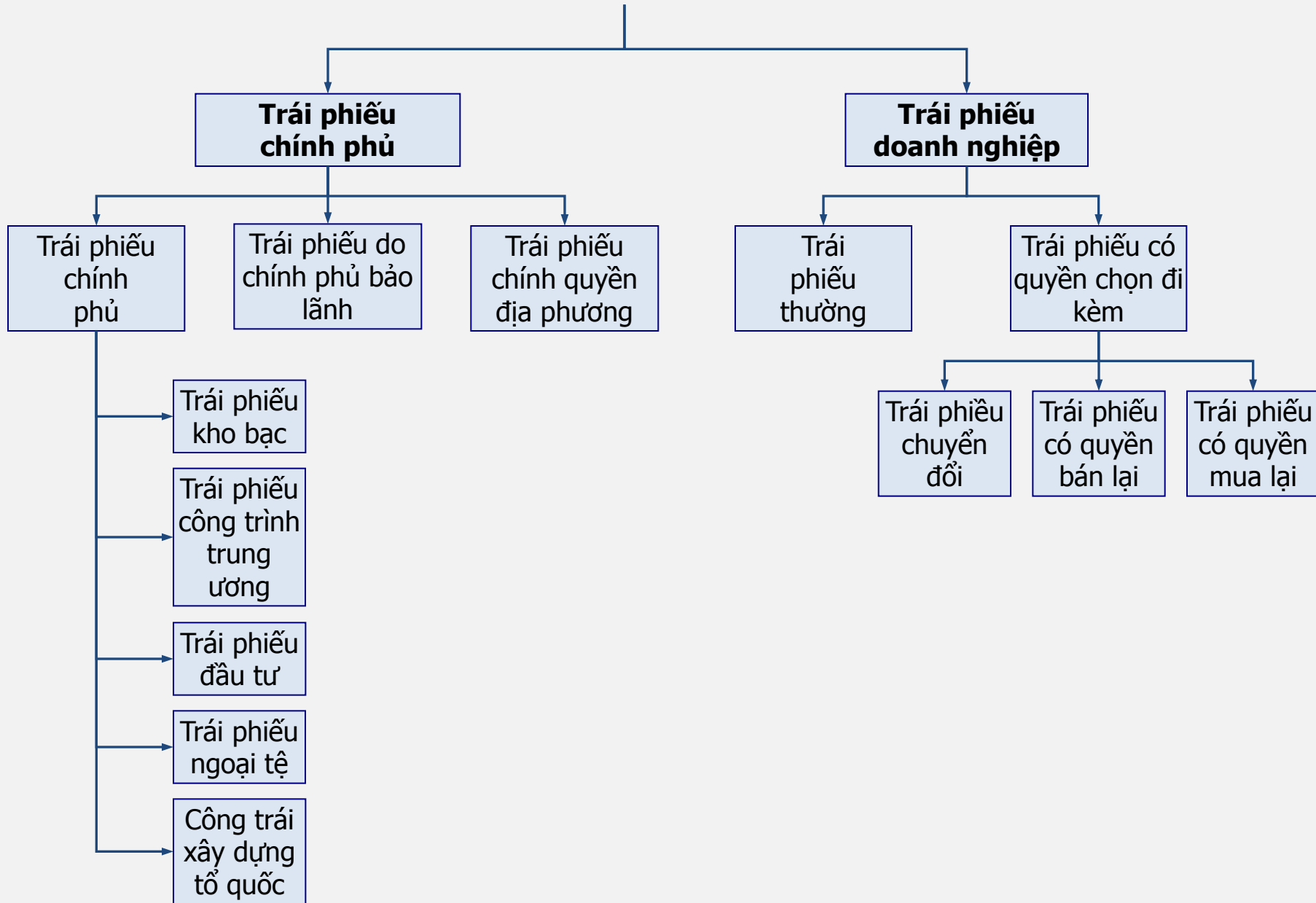
- Hợp đồng mua lại chứng khoán (repurchase agreement) là một hình thức vay nợ ngắn hạn
- Người kinh doanh chứng khoán bán chứng khoán cho một tổ chức tài chính (ngân hàng hay công ty chứng khoán) với thỏa thuận sẽ mua lại chứng khoán đó sau một thời gian nhất định (dưới 1 năm) ở mức giá cao hơn. Mức chênh lệch giá chính là lãi vay.
- Như vậy, người kinh doanh chứng khoán vay tiền từ ngân hàng hay công ty chứng khoán với chứng khoán đóng vai trò là tài sản thế chấp.

# Trái phiếu (bond)

Trái phiếu là một chứng khoán nợ trong đó chứng nhận người vay nợ một khoản tiền được xác định cụ thể cùng với các điều khoản liên quan tới việc hoàn trả khoản tiền này và lãi trong tương lai với kỳ hạn từ một năm trở lên.

Tổ chức phát hành	Issuer	Tổ chức vay nợ
Mệnh giá, nợ gốc	Face value, par value, principal	Giá trị mà bên phát hành cam kết hoàn trả khi đáo hạn; Giá trị làm cơ sở để tính lãi định kỳ
Lãi suất định kỳ	Coupon rate	Lãi suất mà tổ chức phát hành cam kết chi trả theo định kỳ
Lãi định kỳ	Coupon	Lãi trả định kỳ tính bằng lãi suất định kỳ nhân với mệnh giá
Ngày đáo hạn	Maturity date	Ngày hoàn trả vốn gốc sau cùng
Kỳ hạn	Term to Maturity	Thời gian từ khi phát hành cho đến khi trái phiếu đáo hạn
Giá (trị) trái phiếu	Bond price (value)	Giá trị hiện tại (PV) của trái phiếu
Lợi suất đến khi đáo hạn	Yield to Maturity (YTM)	Suất sinh lợi nội tại (IRR) nếu mua trái phiếu bây giờ và giữ cho tới khi đáo hạn

# Phân loại trái phiếu



# Trái phiếu chính phủ (government bond)

---

- Trái phiếu do chính phủ phát hành xác nhận nghĩa vụ trả nợ và lãi của chính phủ đối với người sở hữu trái phiếu.
- Lãi suất trái phiếu do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định hay hình thành theo kết quả đấu thầu.
- Các loại trái phiếu chính phủ
  - Trái phiếu kho bạc: do Kho bạc Nhà nước phát hành để huy động vốn bù đắp thiếu hụt của ngân sách nhà nước theo dự toán ngân sách nhà nước hàng năm đã được Quốc hội quyết định.
  - Trái phiếu công trình trung ương: do Kho bạc Nhà nước phát hành để huy động vốn theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ cho các dự án thuộc nguồn vốn đầu tư của ngân sách trung ương, đã ghi trong kế hoạch nhưng chưa được bố trí vốn ngân sách trong năm.
  - Trái phiếu đầu tư: do các tổ chức tài chính nhà nước, các tổ chức tài chính, tín dụng được Thủ tướng Chính phủ chỉ định phát hành nhằm huy động vốn để đầu tư theo chính sách của Chính phủ.
  - Trái phiếu ngoại tệ: do Bộ Tài chính phát hành theo chỉ định của Thủ tướng Chính phủ với mệnh giá là một ngoại tệ có khả năng chuyển đổi tự do.
  - Công trái xây dựng tổ quốc: do Chính phủ phát hành nhằm huy động nguồn vốn trong nhân dân để đầu tư xây dựng những công trình quan trọng quốc gia.

# Trái phiếu được chính phủ bảo lãnh (government-guaranteed bond)

---

- Trái phiếu do doanh nghiệp phát hành được chính phủ cam kết trước các nhà đầu tư về việc thanh toán đúng hạn của tổ chức phát hành. Trường hợp tổ chức phát hành không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán (gốc, lãi) khi đến hạn thì chính phủ sẽ chịu trách nhiệm trả nợ thay tổ chức phát hành.
- Trái phiếu chỉ được phát hành cho các công trình cụ thể theo chỉ định của Thủ tướng Chính phủ. Tổ chức phát hành là doanh nghiệp được Thủ tướng Chính phủ chỉ định làm chủ đầu tư các dự án của Nhà nước.
- Mức bảo lãnh thanh toán có thể bằng một phần hay bằng tối đa 100% giá trị (gốc, lãi) của trái phiếu phát hành.
- Doanh nghiệp phát hành trái phiếu phải trả phí bảo lãnh (mức tối đa theo quy định hiện hành là 0,05%/năm) tính trên số tiền đang bảo lãnh.

# Trái phiếu chính quyền địa phương (local government bond/municipal bond)

---

- Trái phiếu do ủy ban nhân dân cấp tỉnh/ thành phố trực thuộc trung ương tỉnh uỷ quyền cho Kho bạc Nhà nước hoặc tổ chức tài chính, tín dụng trên địa bàn phát hành, nhằm huy động vốn cho các dự án, công trình thuộc nguồn vốn đầu tư của ngân sách địa phương, đã ghi trong kế hoạch nhưng chưa được bố trí vốn ngân sách trong năm.
- Phương án phát hành trái phiếu, kế hoạch sử dụng vốn vay và phương án hoàn trả nợ vay khi đến hạn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng trình Hội đồng nhân dân thông qua và được Bộ trưởng Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định lãi suất cụ thể trên cơ sở giới hạn biên độ do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định và mặt bằng lãi suất thực tế của trái phiếu Chính phủ cùng kỳ hạn tại thời điểm phát hành. Trường hợp đấu thầu lãi suất thì lãi suất được hình thành theo kết quả đấu thầu trong phạm vi mặt bằng lãi suất thực tế của trái phiếu Chính phủ cùng kỳ hạn tại thời điểm phát hành cộng giới hạn biên độ do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định.

# Trái phiếu doanh nghiệp (corporate bond)

---

- Trái phiếu doanh nghiệp là trái phiếu do doanh nghiệp phát hành, xác nhận nghĩa vụ trả cả gốc và lãi của doanh nghiệp phát hành đối với người sở hữu trái phiếu.
- Trái phiếu có bảo đảm là loại trái phiếu được bảo đảm thanh toán toàn bộ hoặc một phần gốc, lãi khi đến hạn bằng tài sản của tổ chức phát hành hoặc bên thứ ba hoặc bảo lãnh thanh toán của tổ chức tài chính, tín dụng.
- Trái phiếu có quyền chọn đi kèm:
  - Trái phiếu có quyền mua lại (callable bond): Tổ chức phát hành có quyền mua lại trái phiếu trước khi đáo hạn
  - Trái phiếu có quyền bán lại (puttable bond): Người nắm giữ trái phiếu có quyền bán lại trái phiếu cho tổ chức phát hành trước khi đáo hạn
  - Trái phiếu chuyển đổi (convertible bond): người nắm giữ trái phiếu có quyền chuyển đổi trái phiếu thành một số lượng xác định cổ phiếu của cùng tổ chức phát hành tại một thời điểm xác định trong tương lai.

# Vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu và cổ đông

---

- Vốn pháp định là mức vốn tối thiểu phải có theo quy định của pháp luật để thành lập doanh nghiệp.
- Vốn điều lệ là số vốn do tất cả các cổ đông góp và được ghi vào điều lệ của doanh nghiệp.
- Cổ phần là vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
- Cổ phiếu là chứng chỉ do doanh nghiệp phát hành xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của doanh nghiệp.
- Cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân đóng vai trò chủ sở hữu một hoặc một số cổ phần của doanh nghiệp.
- Cổ đông sáng lập là người tham gia thông qua điều lệ đầu tiên của doanh nghiệp.
- Cổ đông lớn là cổ đông sở hữu trên 5% vốn điều lệ hoặc nắm giữ trên 5% vốn cổ phần có quyền bỏ phiếu của một doanh nghiệp.
- Cổ tức là số tiền hàng năm được trích từ lợi nhuận của doanh nghiệp để trả cho mỗi cổ phần.



# Cổ phiếu ưu đãi

---

- Cổ phiếu ưu đãi (nước ngoài)
  - Cổ phiếu ưu đãi là chứng chỉ xác nhận quyền sở hữu vốn cổ phần nhưng người nắm giữ không có quyền biểu quyết.
  - Cổ phiếu ưu đãi hứa trả lãi định kỳ theo một công thức xác định, nhưng có thể hoãn trả mà không bị phá sản
  - Khoản cổ tức hoãn trả trong một kỳ sẽ được tính lũy tích để trả trong những kỳ sau.
  - Cổ phiếu ưu đãi có thứ tự ưu tiên chi trả thấp hơn trái phiếu nhưng cao hơn cổ phần phổ thông

⇒ Cổ phiếu ưu đãi là công cụ mang tính nửa nợ, nửa vốn cổ phần
- Cổ phần ưu đãi biểu quyết (Việt Nam)
  - Cổ phần có số phiếu biểu quyết nhiều hơn so với cổ phần phổ thông. Số phiếu biểu quyết của một cổ phần ưu đãi biểu quyết do điều lệ công ty quy định.
  - Chỉ có cổ đông sáng lập được quyền nắm giữ cổ phần ưu đãi biểu quyết.
  - Cổ đông ưu đãi biểu quyết chịu hạn chế về thời gian hưởng quyền ưu đãi về biểu quyết và hạn chế về khả năng chuyển nhượng theo điều lệ công ty và quy định của pháp luật

# Chứng khoán phái sinh (derivative securities)

---

- Chứng khoán phái sinh là một loại tài sản tài chính có dòng tiền trong tương lai hoàn toàn phụ thuộc vào giá trị của một hay một số tài sản tài chính khác (gọi là tài sản cơ sở – underlying asset).
- Các loại chứng khoán phái sinh:
  - Hợp đồng kỳ hạn (forwards) và hợp đồng tương lai (futures): hợp đồng cho phép hai bên của hợp đồng có quyền và nghĩa vụ phải mua hay bán một số lượng xác định các đơn vị tài sản cơ sở tại một thời điểm xác định trong tương lai với một mức giá xác định ngay tại thời điểm thỏa thuận hợp đồng
  - Hợp đồng quyền chọn (options): người mua quyền có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) mua hay bán một số lượng xác định các đơn vị tài sản cơ sở từ người bán quyền tại hay trước một thời điểm xác định trong tương lai với một mức giá xác định ngay tại thời điểm thỏa thuận hợp đồng.
  - Hợp đồng hoán đổi (swaps): hai bên của hợp đồng có quyền và nghĩa vụ phải hoán đổi ngân lưu ngân lưu cho nhau theo tỷ lệ xác định tại nhiều thời điểm trong tương lai.

# Hợp đồng kỳ hạn và tương lai

---

- Kỳ hạn và tương lai:
  - Hợp đồng tương lai là những hợp đồng được chuẩn hóa (về loại tài sản cơ sở mua bán, số lượng các đơn vị tài sản cơ sở mua bán, thể thức thanh toán, kỳ hạn,...). Hợp đồng kỳ hạn không được chuẩn hóa, các chi tiết là do hai bên đàm phán cụ thể.
  - Hợp đồng tương lai được thỏa thuận và mua bán thông qua người môi giới. Hợp đồng kỳ hạn được thỏa thuận trực tiếp giữa hai bên của hợp đồng.
  - Hợp đồng tương lai được mua bán trên thị trường tập trung. Hợp đồng kỳ hạn trên thị trường phi tập trung.
  - Hợp đồng tương lai được tính hàng ngày theo giá thị trường (marking to market daily). Hợp đồng kỳ hạn được thanh toán vào ngày đáo hạn.
- 3. Ví dụ về các loại hợp đồng tương lai
- Các loại hợp đồng tương lai:
  - Hợp đồng tương lai chỉ số chứng khoán (index futures)
  - Hợp đồng tương lai lãi suất (interest futures)
  - Hợp đồng tương lai ngoại hối (currency futures)
  - Hợp đồng tương lai nông sản (agricultural futures)
  - Hợp đồng tương lai kim loại và khoáng sản (metal and mineral futures)

# Hợp đồng quyền chọn

---

- Quyền chọn mua (call option) trao cho người mua (người nắm giữ) quyền chọn được quyền (nhưng không phải nghĩa vụ) mua tài sản cơ sở vào một thời điểm hay trước một thời điểm trong tương lai với một mức giá xác định.
- Quyền chọn bán (put option) trao cho người mua (người nắm giữ) quyền chọn được quyền (nhưng không phải nghĩa vụ) bán tài sản cơ sở vào một thời điểm hay trước một thời điểm trong tương lai với một mức giá xác định.
- Đối với quyền chọn mua, ta có người mua quyền chọn mua và người bán quyền chọn mua. Đối với quyền chọn bán, ta cũng có người mua quyền chọn bán và người bán quyền chọn bán.
- Quyền chọn mua hay chọn bán kiểu châu Âu chỉ có thể được thực hiện vào ngày đáo hạn chứ không được thực hiện trước ngày đó.
- Quyền chọn mua hay chọn bán kiểu Mỹ có thể được thực hiện vào mọi lúc cho đến hết ngày đáo hạn.
- Quyền chọn có thể được dựa vào các tài sản cơ sở như cổ phiếu, chỉ số cổ phiếu, trái phiếu, lãi suất, ngoại hối, kim loại quý hay nông sản.
- Quyền chọn có giá trị nên người mua quyền phải trả một khoản phí (gọi là giá của quyền chọn – option price) cho người bán quyền.

# Hợp đồng hoán đổi

---

- Hợp đồng hoán đổi lãi suất (interest rate swap)
  - Hai bên của hợp đồng có quyền và nghĩa vụ phải hoán đổi giữa lãi vay thả nổi và lãi vay cố định giữa trên một giá trị vay danh nghĩa theo định kỳ trong tương lai.
- Hợp đồng hoán đổi ngoại tệ (foreign exchange swap)
  - Hai bên của hợp đồng có quyền và nghĩa vụ phải hoán đổi hai loại tiền tệ cho nhau tại một tỷ giá định trước theo định kỳ trong tương lai.
- Hợp đồng hoán đổi rủi ro tín dụng (credit default swap)
  - Một bên phải trả một mức phí định kỳ cho bên kia và đổi lại sẽ được hưởng lại một khoản tiền nếu tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở ghi trong hợp đồng bị vỡ nợ.